

PHỤ LỤC 2:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 3-4 TUỔI

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung GD năm học
I. Giáo dục phát triển thể chất <i>* Phát triển vận động</i>	
1. Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra. * Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước sang hai bên. - 2 tay đưa sang ngang, đưa lên cao - 2 cánh tay đánh xoay tròn trước ngực đưa lên cao - 2 tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau * ĐT phát triển cơ lưng bụng - Đứng cúi về phía trước - Đứng quay người sang 2 bên - Đứng nghiêng người sang 2 bên - Đứng cúi người về trước, ngả người ra sau - Đứng nghiêng người sang 2 bên kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy * ĐT phát triển cơ chân: - Đứng khụy gối - Bật tách - chum tại chỗ - Tùng chân đưa lên trước ra sau, sang ngang - Đứng nâng cao chân gập gối - Bước lên trước, lùi lại, sang ngang, bật tại chỗ
2. Trẻ giữ được thăng bằng và biết kiểm soát được cơ thể khi thực hiện vận động đi, chạy	+ Đi kiễng gót(Liên tục 3m) + Đi trong đường hẹp(3m x 20 cm) + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt. (Chạy liên tục trong đường đích đặt 3-4 điểm không chệch ra ngoài) + Chạy liên tục 15m theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát
3. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: tung, ném, bắt	+ Đập bóng xuống sàn và bắt bóng. (3 lần liên đường kính 18cm) + Tung bắt bóng với cô.(Bắt được 3 lần liên không làm rơi bóng , khoảng cách 2,5 m) + Lăn bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay.

	+ Ném trúng đích nằm ngang(xa 1,5m + Tung bóng lên cao bằng 2 tay + Ném xa bằng 2 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
4. Trẻ biết thực hiện một cách khéo trong vận động: bò, trườn, trèo	+ Bò, trườn theo hướng thẳng. + Trườn chui qua cổng. + Bò chui qua cổng. + Bò trong đường hẹp(3mx0,4 m) không chệch ra ngoài + Bò theo đường đích đặt + Bước lên, xuống bậc (cao 30cm)
5. Trẻ biết phối hợp tay -chân trong vận động: bật, nhảy. Và biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập	+Bật tại chỗ. +Bật về phía trước +Bật xa 20 - 25 cm.
6. Thực hiện được các vận động: xoay tròn cổ tay, gấp đan ngón tay vào nhau	+ Gập các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
7. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ được hình tròn theo mẫu; Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm; Xếp chồng 8-10 khối không đồ; Tự cài, cởi cúc	+ Đan tết. + Xếp chồng các hình khối khác nhau + Xé, dán giấy. + Sử dụng kéo, bút + Tô, vẽ nguệch ngoạc + Cài, cởi cúc
<i>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>	
8. Trẻ khỏe mạnh. Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A - Trẻ trai: + Cân nặng đạt từ 12,7 kg- 21,2 kg + Chiều cao đạt từ 94,9 cm -111,7cm - Trẻ gái: + Cân nặng đạt từ 12,3kg -21,5kg + Chiều cao đạt từ 94,1cm -111,3cm	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: +Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày 50 – 55% nhu cầu cả ngày): 615-726 Kcal. + Ăn một bữa chính và một bữa phụ. (bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30-35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày). + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13-20 % Chất béo (Lipit) 25-35 % Chất bột (Gluxit) 52-60 % Nước uống: khoảng 1,6 – 2,0 lít / trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). + Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa

	(khoảng 140-150 phút). - Vệ sinh cá nhân, Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
9. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...). Và biết tên một số món ăn trứng rán, cá kho, canh rau...và ăn nhiều món ăn khác nhau để chóng lớn, khỏe mạnh .	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất như: Thịt, cá, trứng, sữa, rau, quả... - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
10. Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn trong sinh hoạt và ăn uống.	- Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất, cởi quần áo - Đội mũ; tự uống sữa, xúc ăn..... - Sử dụng bát, cốc, thìa đúng cách
11. Trẻ có một số hành vi tốt trong bảo vệ cơ thể phù hợp với thời tiết, như đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm đi tất khi trời lạnh, đi giày dép khi đi học. Biết nói với người lớn khi bị đau và chảy máu.	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe như đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm đi tất khi trời lạnh, đi giày dép khi đi học. - Dạy trẻ gấp quần áo - Dạy trẻ mặc áo ấm - Dạy trẻ đi giày dép - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm như: đau bụng, đau đầu, buồn nôn, chảy máu...
12. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng(bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng), nơi nguy hiểm(Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi). Biết gọi người lớn giúp đỡ khi gặp nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.(bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng), nơi nguy hiểm(Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi). - Không đến những nơi nguy hiểm khi không được sự cho phép của người lớn. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Không cười đùa trong ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không tự lấy thuốc uống. Không leo trèo bàn ghế lan can, không nghịch

	các vật sắc nhọn. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Dạy kỹ năng kêu cứu khi gặp nguy hiểm.
13. Trẻ thực hiện 1 số thao tác vệ sinh cá nhân với sự giúp đỡ của giáo viên	- Rèn kỹ năng rửa tay, lau mặt. - Biết súc miệng bằng nước muối khi ăn xong và trước khi đi ngủ. - cất đồ dùng vệ sinh đúng nơi quy định.
II. Giáo dục phát triển nhận thức * Khám phá khoa học	
14. Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng được tri giác	Hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Thời tiết mùa hè
15. Trẻ nhận biết các bộ phận trên cơ thể con người	- Tên gọi, chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể như: Đầu, Mắt, mũi, miệng, tai, cổ, lưng, bụng, tay, chân... - Các bộ phận trên cơ thể.
16. Nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng như tên gọi, đặc điểm cấu tạo, lợi ích, công dụng của cây con, hoa quả, PTGT, HTTN đơn giản xung quanh trẻ. Thông qua sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nghe nhìn, ngửi, sờ..	- Đồ chơi ở trường, lớp. - Đồ dùng trong gia đình - Ngôi nhà thân yêu của bé - PTGT đường bộ - Quy định và PTGT đường thủy. - Quy định và PTGT đường không - Động vật sống dưới nước, - ĐV sống trong rừng - ĐV sống trong gia đình - Cây xanh - Một số loại hoa - Một số loại quả. - Một số loại rau, củ - Một số hiện tượng tự nhiên như: Mưa, nắng, gió, sấm, sét, các nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Nước - HTTN: Nắng, mưa, sấm chớp - Đất, đá, sỏi, cát
17. Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Thả vật chìm nổi. - Pha màu nước, pha đường, muối. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
18. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.

19. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	Phân loại: đồ dùng, đồ chơi, một số phương tiện giao thông, cây, hoa, quả, con vật theo 1 dấu hiệu nổi bật.
20. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. Ví dụ: Nếu không có nước thì cá sống sẽ như thế nào? Cây muốn phát triển cần những gì?.....)
21. Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm như: (ngày có ông mặt trời chiếu ánh nắng, ban đêm có ông trăng, các vì sao) - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Rèn luyện kỹ năng quan sát.
22. Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Hiểu được mối quan hệ trong các trò chơi, thể hiện các vai chơi. - Thể hiện tình cảm trong các bài hát, sản phẩm tạo hình.
* Khám phá xã hội	
23. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Tên, tuổi, giới tính của bản thân
24. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Nói được địa chỉ của gia đình, biết được nhu cầu, sở thích của các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố, mẹ, anh, chị, em trong gia đình. - Địa chỉ gia đình ở (xóm, xã, huyện, tỉnh) - Nhu cầu của gia đình
25. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Lớp học của bé - Trường MN Diên Cát - Đồ dùng đồ chơi trong lớp
26. Trẻ kể tên 1 số nghề phổ biến và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	Nghề nông, nghề xây dựng, Bác Sĩ, bộ đội, giáo viên... - Sản phẩm nghề nông (lúa, ngô, khoai, đậu, lạc...) dụng cụ như: cuốc, liềm... - Nghề xây dựng: (nhà cửa, cầu, đường...) dụng cụ như: búa, búa, bàn xoa, xẻng... - Nghề bác sĩ: Kim tiêm, bông gạc, ống nghe... - Bộ đội: Mũ tai mèo, ba lô, súng. - Giáo viên: Phấn, bảng, cặp...
27. Trẻ kể tên một số lễ hội trong năm qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Ngày hội đến trường của bé, - Bé vui đón tết trung thu - Ngày hội của cô giáo

	- Lễ hội mừng xuân của bé. - Ngày vui của bà của mẹ (08/3) - Ngày thành lập QĐNDVN. - Ngày sinh nhật Bác Hồ) - Ngày tết thiếu nhi
28. Trẻ kể Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cánh đồng lúa - Chợ Cầu- Diên Cát - Đài tưởng niệm liệt sỹ các anh hùng liệt sỹ. - Trụ sở UBND Minh Châu
<i>*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>	
29. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng, Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Trẻ tạo nhóm trong phạm vi 2, đếm đến 2 và nhận biết chữ số 2 (Số 2 Tiết 1) -Trẻ tạo nhóm trong phạm vi 3, đếm đến 3 và nhận biết chữ số 3(Số 3Tiết 1)
30. Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Sự khác biệt rõ nét về số lượng của 2 nhóm đồ vật. Sử dụng đúng từ: nhiều hơn-ít hơn. - 1 và nhiều - So sánh,thêm bớt trong phạm vi 2 (Số 2 Tiết 2) - So sánh thêm bớt trong phạm vi 3(Số 3 Tiết 2)
31. Trẻ biết tách,gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5.	-Tách, Gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 (Số 3 Tiết 3)
32. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. Xếp xen kẽ hình tròn - hình vuông, hoa - lá, con vật
33. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	So sánh chiều dài của 2 đối tượng . So sánh chiều cao của 2 đối tượng So sánh chiều rộng của 2 đối tượng So sánh độ lớn của 2 đối tượng
34. Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: + hình tròn-hình vuông + hình tam giác- hình chữ nhật – + Chắp ghép các hình hình học.
35. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân trẻ.	- Nhận biết phía trên - phía dưới của bản thân trẻ - Nhận biết phía trước - phía sau của bản thân trẻ - Nhận biết tay phải – tay trái của bản thân trẻ.
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
<i>* Nghe</i>	
36. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	Nghe, hiểu lời nói và làm theo yêu cầu đơn giản
37. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	+ Nghe hiểu các từ tên đồ dùng/ thực vật/ động vật.. + Nghe hiểu được nghĩa một số từ khái quát:

	Quần áo, đồ chơi, hoa quả, con vật...
38. Trẻ lắng nghe được câu hỏi của người đối thoại.	+ Nghe hiểu các câu hỏi: “Cái gì?”; “Để làm gì?”, “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “ Như thế nào?”.
39. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Chủ đề: trường MN: Cô giáo của con(Hà Quang),Bạn mới (Nguyệt Mai), Cô dạy(Phạm Hổ); Bé không khóc nữa(Vũ Thị Minh Tâm), Trắng sáng(Nhựt Thủy & Phương Hoa), Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn);Chơi bập bênh(Xuân Hoài), Thư của bé (Hoàng Thị Dân). Chủ đề: Bản thân: Tâm sự của cái mũi(Lê Thu Hương), Phải là hai tay(Phạm Cúc), Bé ơi(Phong Thu), Cái lưỡi, Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Bạn của bé, Tay ngoan, Miệng xinh(Phạm Hổ), Chối ngoan(Vũ Thị Minh Tâm), Đi nắng(Nhựt Thủy) Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương); Chủ đề Gia đình: Sáo con học nói (Mai Ngọc Uyển).Thăm nhà bà (Như Mai), Bà và cháu(Phạm thị Thọ),Chiếc Quạt nan (Xuân Cầu), Khách đến rồi(Lương Bình & Kim Tuyền); Gió từ tay mẹ (Vương Trọng); Cả nhà chống bão (Suru tâm) Chủ đề nghề nghiệp: Em làm chú thợ(Hoàng Dân), Làm bác sỹ (Lê ngân), Làm nghề như bố (Thu Quỳnh), Em làm thợ xây(Hoàng Dân); Chú giải phóng quân(Cẩm Thơ); Mẹ và cô(Trần Quốc Toàn); Các cô thợ(Thi Ngọc); Làm họa sĩ dễ thôi (Tùng Bách); Hươu cao cổ (Định Hải), Tâm sự của bức tường (Suru tâm), Bé quét rác (Hoàng Thị Dân), Chủ đề Động vật: Đàn gà con (Phạm Hổ), Rong và cá(Phạm Hổ), Chim én (Nhựt Thủy), Con chuồn chuồn ớt (Xuân Nùng), Gấu qua cầu (Ngọc Trâm), Con trâu(Thanh Thảo), Bối tôi là vịt(Phạm Thái Quỳnh), Đàn kiến (Nhựt Thủy), Ong Và bướm Chủ đề Thực vật: Cây dây leo (Xuân Tửu), Tết đang vào nhà (Nguyễn hồng Kiên), Dưa chuột (suru tâm),Quả(gvphòng gd gia lai), Vườn cải (Trần đăng khoa), Hồ Sen (nhựt thủy), Cây Hồng(suru tâm), Quà 8/3, Dán hoa tặng mẹ, Ghét bão thương cây(Suru tâm) Chủ đề Giao thông: Xe chữa cháy(Phạm Hổ), Đèn đỏ đèn xanh(Định Hải), Xe đồ rác(Suru tâm); Đi cầu đi quán(Đồng dao); Đàn kiến nó

	đi (Định Hải), Giúp bà(Hoàng Thị Phương); Không vứt rác ra đường (Vũ Thị Minh Tâm); Chủ đề HTTN: Gió (Đặng Hân), Nắng ấm(Xuân Thu),Trăng sáng (Nhược Thủy & Phương Hoa) Bé yêu trắng(Lê Bình), Mưa làm nũng (Nguyễn Trọng Hoàn), Nước (Vương Trọng), Cầu vồng(Phạm Hồ), Ông mặt trời (Bích Hiền); Nắng thua em rồi(Suru tâm), Khi cơn bão đến (Suru tâm) Chủ đề QH-ĐN-BH: Ảnh Bác(Trần Đăng khoa), Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu)Ai dậy sớm(Võ Quảng), Ngôi nhà(Tô Hà), Em yêu miền nam, Bé tập nói (Trần Thị Nhật Tân)....
40. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Chủ đề Trường MN: Gà tơ đi học(Cẩm Linh); Bàn chải đánh răng(Thúy Hà), Vì sao bé Huy nín khóc(Phương Dung); Ai tài giỏi hơn; Quà trung thu, Đôi bạn tốt, món quà của cô giáo(Tú Anh), Chủ đề Bản thân: Cậu bé mũi dài(Lê Thu Hương), Mỗi người một việc(Lê Thị Thu Hương), Gấu con bị đau răng(Tạ Thị Liên), Cái Mồm; Đôi tai quá dài Chủ đề Gia đình: Nhỏ củ cải(phỏng theo dân gian nga), Chiếc ấm sành nở hoa(Kim tuyến); Cháu ngoan(Huỳnh Thị Cúc), Quà tặng mẹ(Thu Hằng)Bó hoa tươi thắm(Phạm Mai Chi) Chủ đề Nghề nghiệp:Thần sắt (Theo truyện cổ dân tộc thái); Người làm vườn và con trai(Thúy Toàn).Bác Sỹ Chim Chủ đề Động vật: Lợn và cừu; Cả nhà đều làm việc; Bác sĩ chim, Gà trống choai và hạt đậu(Suru tâm), Ba chú lợn nhỏ; Câu chuyện về chú xe ủi,Bác gấu đen và 2 chú thỏ(Dương Đình Huy), chú thỏ tinh khôn((Vũ Tú Nam), chú vịt xám(Thu Thủy), Rùa con tìm nhà(Thanh Mai), Giọng hát chim Sơn Ca(Thu Thủy), Ba con Gấu(Minh Trang), Cóc kiện trời(Theo truyện thần thoại Việt Nam), Rùa con tìm nhà(Thanh Mai), Chú vịt xám(Thu Thủy), Chuột, gà trống và mèo(Thúy Toàn dịch), Chủ đề Thực vật: Chú đỗ con (Việt Linh); Hoa

	mào gà (Thùy Dương), Sự tích Cây khoai lang; Hai anh em. Chủ đề giao thông: Xe lu và xe ca(Phong Thu), Ai quan trọng hơn(Sưu tầm), Xe đạp trên đường phố(Thu Hạnh); Ô tô con học bài, Chuyện qua đường(T-H), Thỏ con đi học(Đỗ Ngọc Anh), Chủ đề HTTN: Nàng tiên mưa (Võ Thị Thương), Chú bé giọt nước (Hoài Khánh); Cóc kiện trời; Cô con út của ông mặt trời Đám mây xấu xí(Nguyễn Văn Thắng), Giọt nước tí xíu(Nguyễn Linh), sự tích ngày và đêm, Niềm vui bất ngờ, Khen các cháu(Đào Đức – Sơn Liên); Ai ngoan sẽ được thưởng (Tuyết Phương - Thanh Tú); Kể chuyện sáng tạo
41. Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	Kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. theo gợi ý của người lớn. -Rèn kỹ năng kể lại sự việc đã xảy ra.
42. Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
* <i>Nói</i>	
43. Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
44. Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ..	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.....Trả lời được các câu hỏi “ Ai đây?, “ cái gì đây?”; “Làm gì?”, “...làm như thế nào?”
45. Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Rèn kỹ năng diễn đạt mạch lạc.
46. Trẻ biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị lễ phép như: vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
* <i>Làm quen với việc đọc, viết</i>	
47. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen cách sử dụng sách, cách đọc sách(hướng đọc từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới). - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc truyện” - Giữ gìn sách.

48. Trẻ nhìn vào tranh và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả nhân vật trong tranh bằng lời nói và cử chỉ hành động
49. Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với cách viết tiếng viết (hướng viết từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới). - Rèn kỹ năng tô màu chữ cái in rộng.
50. Cho trẻ làm quen với tiếng anh thông qua các hoạt động trong ngày.	- Làm quen tiếng anh về Bản thân, trang phục ; trường học ; Hoa quả, màu sắc ; nghề nghiệp, xây dựng, Đi mua sắm, Đi siêu thị ; Sân bay, đường phố ; Thiên nhiên, hoa quả ; Động vật, công viên - Một số bài hát, trò chơi bằng tiếng anh
IV. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
* Phát triển tình cảm	
51. Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, nói được điều bé thích, không thích	- Tên tuổi, giới tính của bản thân. - Những điều bé thích, không thích. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh - Nhận biết 1 số trạng thái (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói - Biểu lộ trạng thái cảm xúc: qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động
52 Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tự tin khi tham gia vào hoạt động, mạnh dạn nói ý kiến của bản thân
53. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	- Thực hiện công việc được giao(trực nhật, thu dọn đồ chơi, chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)
54. Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	-Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
55. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
56. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ - Có thái độ yêu quý, xúc động, phấn khích khi được nghe kể về Bác Hồ
57. Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp thiên nhiên, lễ hội truyền thống của quê hương nơi đang sống.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Thể hiện sự vui thích, phấn khởi khi đứng trước vẻ đẹp của thiên nhiên - Nhận biết các ngày lễ hội truyền thống của quê hương: Lễ hội Đình Nam (15/1 âm lịch);

	Lễ tế Đền Đạu(13/1 âm lịch)
<i>* Phát triển kỹ năng xã hội</i>	
58. Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Biết vâng lời bố, mẹ, cô giáo... không tự ý đi theo người lạ hoặc bỏ về khi chưa được sự đồng ý của cô giáo.
59. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	Cử chỉ, lời nói lễ phép. - Đến lớp trẻ biết chào cô giáo, chào bạn, về nhà biết chào mọi người trong gia đình - Rèn kỹ năng chào hỏi lễ phép
60. Trẻ thích cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	Chờ đến lượt + Chơi đoàn kết, vui vẻ, nhường nhịn lẫn nhau + Chơi thỏa thuận, chơi cùng nhau trong các trò chơi
61. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối. + Không ngắt lá, bẻ cành + Nhặt lá vàng, nhổ cỏ, bắt sâu, tưới nước... + Tiết kiệm điện nước
62. Bỏ rác đúng nơi quy định	Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu” + Giữ gìn vệ sinh môi trường. + Không vứt rác bừa bãi + Dạy trẻ phân loại rác
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ	
63. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
64. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện ¹ .	- CD: Trường MN: Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường và lời Nguyễn Hữu Tường), Ngày đầu tiên đi học(Viễn Phương); - CD Bản thân: Những em bé ngoan (Phan Huỳnh Điểu), Cô giáo miền xuôi(Mộng Lân), Ru con(Dân ca xê đăng), Vì sao con mèo rửa mặt(Hoàng Long), - CD: Gia đình: Tình thương bà cháu(Vũ trọng Tường) Bàn tay mẹ(Nhạc Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yên); Thật đáng chê (Theo điệu “Bắc Kim Thang, Lời Việt Anh); Cho con(Nhạc Phạm Trọng Cầu, lời thơ: Tuấn Dũng), Em là bông hồng nhỏ(Trịnh Công Sơn), Khúc

	hát ru người mẹ trẻ (Lâm Thị Mỹ Dạ); Ru con (Dân ca nam bộ), Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Bố là tất cả (Thập Nhất); Chỉ có một trên đời (Nhạc Trương Quang Lục, ý thơ: Liên Xô), - CD Nghề nghiệp: Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý); Đi cấy (Dân ca Thanh Hóa); Xe chỉ luân kim (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Dân ca tự chọn, ước mơ xanh; Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu), Cháu yêu cô bác nông dân - CD Động vật: Con chim vành khuyên (Hoàng Vân); Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên) Chú ếch con (Phạm Tuyên), Bắc kim thang (Dân ca Nam Bộ); Rửa mặt như mèo (Hàn Ngọc Bích), Thương con mèo (Huy Du); Cò lả (Dân ca đồng bằng Bắc Bộ); Lý con sáo Gò Công (Dân ca Nam Bộ), - CD Thực vật: Lá xanh (Thái cơ), Cây trúc xinh (Dân ca quan họ bắc ninh); Đuối chim (Việt Anh, Nhược thủy); Lý cây bông (Dân ca nam bộ); Hoa trong vườn (Dân ca thanh hóa). Trồng cây (Phạm Tuyên), Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện), Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Trồng cây nhớ người (Dân ca Nghệ An), - CD: Giao thông: Anh phi công ơi (Xuân giao và xuân quỳnh), Công an tí hon; Tàu lười; Chúng em với an toàn giao thông (Hoàng Phong); An toàn giao thông (Trần Thanh Tùng).... - CD HTTN: Mưa rơi (Dân ca Xá), Bốn mùa (Hoàng Long), Bé và trăng (Bùi Anh Tôn); Tôi là gió (Trịnh Tuấn Khanh), Đêm sao (Văn Chung), Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên), - CD: QH-ĐN-BH: Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long – Hoàng Lê), Xòe hoa (Dân ca Thái), Em như chim câu trắng (Trần Ngọc); Đi thăm thủ đô (Bùi Anh Tôn) - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ..
65. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình
66. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo	Chủ đề Trường MN: Bạn ở đâu (Thu Hiền),

giai điệu bài hát quen thuộc.	Trường chúng cháu là trường mầm non(Phạm Tuyên), Vui đến trường(Hồ Bắc) Cháu đi mẫu giáo(Phạm Minh Tuấn), Quả bóng(Huy Trân); Đi dạo (Trần Hữu Du); Hoa bé ngoan(Hoàng Văn Yến), Đu quay(Mộng Lân),Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến), Chào ngày mới, , Em đi Mẫu giáo(Dương Minh Viễn), Rước đèn dưới ánh trăng (Phạm Tuyên). Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn) Tìm bạn thân(Việt Anh); Đêm trung thu(Phùng Như Thạch), Chủ đề Bản thân: Tìm bạn thân (Việt Anh), Bạn ở đâu? Cái mũi, Bạn có biết tên tôi ? (Lê Đức- Thu Hiền), Mời bạn ăn(Thu Hiền) Mừng sinh nhật(Đào Ngọc Dung), Chúng ta cùng tập thể dục, Nhà của tôi (Thu Hiền), Em ngoan hơn Búp Bê (Phùng Như Thạch), Xòe Bàn Tay,nắm ngón tay(Minh Quân),Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo), Tóm được rồi(Lê Đức, Thu hiền). Chủ đề Gia đình: Cháu yêu bà(Xuân giao); Múa cho mẹ xem (Xuân Giao), Chiếc khăn tay(Văn Tấn) Mẹ yêu không nào(Lê xuân Thọ), Cả nhà đều yêu(Bùi Anh Tôn), Đi học về(Hoàng Long – Hoàng Lân); Biết vâng lời mẹ(Minh Khang), Nhà của tôi(Thu Hiền), Chủ đề Nghề nghiệp: Cô và mẹ(Phạm Tuyên),Cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yến), Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến), Làm chú bộ đội(Hoàng Long), Em tập lái ô tô(Nguyễn Văn Tý), Đội kèn týt hon(Phan Huỳnh Điểu), Tập đi đều(Kim Hữu), Đi một hai(Đoàn Phi), Chủ đề Động vật: Gà trống mèo con và cún con (Thế vinh); Đàn gà con(Việt Anh); Đồ bạn(Hồng Ngọc), Ai cũng yêu chú mèo(Kim Hữu) ; Đàn vịt con(Mộng Lân), Chú gà trống gọi (Kim Hữu). Voi làm xiếc(Nhạc Anh, lời việt: Phan Hiền); Cá vàng bơi (Nguyễn Hà Hải); Con chim non(Lý Trọng), Chủ đề thực vật: Lý cây xanh; Sắp đến tết rồi (hoàng Vân) Màu hoa(Hồng Đăng), Quả(Xanh xanh), Bầu và bí(Phạm Tuyên), Cây bắp cải(Nhạc Thu Hồng, lời Phạm Hồ), Sắp đến tết rồi(Hoàng Vân) , Quà 8-3(Hoàng Long), Mùa
-------------------------------	---

	xuân (Hoàng Văn Yên), Chủ đề Giao thông: Em tập lái ô tô(Nguyễn Văn Tý); Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân); Đường em đi(Ngô Quốc tính và Tường Vân), , Đèn xanh, đèn đỏ(Lương Vinh và thế hội), Chủ đề HTTN: Trời nắng trời mưa(Đặng Nhật Mai), Đêm phao, Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung),Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền); Trên cát(Nhạc Anh, Lời Việt: Phan Hương) Cho tôi đi làm mưa với(Hoàng Hà); Bé và trăng(Bùi Văn Tôn); Mây và gió(Minh Quân), Hòa bình cho bé(Huy Trân) Chủ đề QH-ĐN-BH: Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao), Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) , Quê hương tươi đẹp.
67. Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). - Chơi các trò chơi âm nhạc phù hợp với độ tuổi	- Vận động đơn giản theo nhịp , theo nhạc, vận động minh họa của một số bài hát, bản nhạc tại MT65 - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Tham gia các trò chơi âm nhạc TC: Ai nhanh nhất, Bạn ở đâu, Tai ai tinh. Hát theo hình vẽ; Ai đoán giỏi; Nghe tiếng hát tìm đồ vật; Giọng hát to hát nhỏ; Nhảy theo giai điệu
68. Trẻ biết Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Biểu diễn những bài hát bản nhạc theo chủ đề.
69. Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm với sự gợi ý của người lớn. (Làm con rồng ngày tết, Làm con trâu từ lá cây; Làm con vật từ các nguyên vật liệu phế thải,Làm quà, Làm thiệp...
70. Trẻ biết tô màu, vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm Tô màu đu quay Tô màu chùm bóng Tô màu đèn lồng Tô màu mũ bé trai - bé gái Trang trí khăn mùi soa Tô màu tranh gia đình

	Tô màu ngôi nhà của bé Tô màu sản phẩm nghề nông Vẽ những cuộn len Vẽ, tô màu hoa , bình hoa Vẽ, tô màu cây ăn quả Vẽ, tô màu quả cà chua - bí xanh Vẽ những bông hoa bằng vân tay Vẽ , tô màu con gà con Tô màu hươu cao cổ Tô màu kinh khí cầu Tô màu ô tô Vẽ, tô màu xe máy Vẽ mưa, vẽ cây cỏ Tô màu dây cò
71. Trẻ biết xé theo dải, xé vụn ; cắt theo các nét thẳng, xiên, cong tròn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng kéo, các nguyên liệu tạo ra sản phẩm: - Cắt, dán bập bênh - Cắt, dán cái bát - Cắt, dán cái thang - Xé, dán tia nắng mặt trời - Cắt, dán con cá - Xé dán con sứa - Xé, dán đuôi điều - Trang trí chiếc phao - Xé, dán bánh chưng - Xé, dán quả chuối - Xé, dán tán lá cây - Trang trí con sao biển - Trang trí ảnh Bác Hồ - Làm thiệp - Làm quà
72. Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Nặn đồ chơi, bát , đĩa, dĩa - Nặn bánh, con vật , các loại quả tròn, dài - Nặn bánh xe - Nặn các loại bánh
73. Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp các hình hình học tạo thành ngôi nhà, các loại PTGT, con vật, hình người...
74. Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích

75. Trẻ biết đặt tên và nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình Nhận xét các sản phẩm tạo hình
---	---

DỰ KIẾN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN 3-4 TUỔI

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
Trường Mầm non (4 tuần)	Trường MN Diễn cát	1	Ngày 15/9/2025 đến ngày 19/9/2025
	Lớp học của bé	2	Ngày 22/9/2025 đến ngày 26/9/2025
	Tết trung thu	3	Ngày 29/9/2025 đến ngày 3/10/2025
	HD trong trường MN	4	Ngày 6/10/2025 đến ngày 10/10/2025
Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	Ngày 13/10/2025 đến ngày 17/10/2025
	- Cơ thể bé và bạn	6	Ngày 20/10/2025 đến ngày 24/10/2025
	- Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh	7	Ngày 27/10/2025 đến ngày 31/10/2025
Gia đình (5 tuần)	- Những người thân trong gia đình	8	Ngày 3/11/2025 đến ngày 7/11/2025
	Ngôi nhà thân yêu của bé	9	Ngày 10/11/2025 đến ngày 14/11/2025
	Ngày hội của cô giáo	10	Ngày 17/11/2025 đến ngày 21/11/2025
	Đồ dùng gia đình	11	Ngày 24/11/2025 đến ngày 28/11/2025
	Nhu cầu của gia đình	12	Ngày 1/12/2025 đến ngày 5/12/2025
Nghề nghiệp (4 tuần)	Bác nông dân	13	Ngày 8/12/2025 đến ngày 12/12/2025
	Chú bộ đội mến yêu	14	Ngày 15/12/2025 đến ngày 19/12/2025
	Chú công nhân	15	Ngày 22/12/2025 đến ngày 26/12/2025
	Bác sỹ	16	Ngày 29/12/2025 đến ngày 2/1/2026
Động vật (4 tuần)	Động vật nuôi trong gia đình	17	Ngày 5/1/2026 đến ngày 9/1/2026
	Động vật sống dưới nước	18	Ngày 12/1/2026 đến ngày 16/1/2026
	Động vật sống trong rừng	19	Ngày 19/1/2026 đến ngày 23/1/2026
	Côn trùng và chim	20	Ngày 26/1/2026 đến ngày 30/1/2026
Thực vật (5 tuần)	Cây xanh và MT sống	21	Ngày 2/2/2026 đến ngày 6/2/2026
	Tết và mùa xuân và Những bông hoa đẹp	22	Ngày 9/2/2026 đến ngày 13/2/2026
	Một số loại rau- củ	23	Ngày 23/2/2026 đến ngày 27/2/2026
	Ngày vui của bà của mẹ	24	Ngày 2/3/2026 đến ngày 6/3/2026

	Một số loại quả	25	Ngày 9/3/2026 đến ngày 20/3/2026
Giao thông (3 tuần)	Phương tiện và QĐ GT đường bộ	26,27	Ngày 23/3/2026 đến ngày 27/3/2026
	Phương tiện và QĐ GT đường thủy	28	Ngày 30/3/2026 đến ngày 3/4/2026
	Phương tiện và QĐGT đường không	29	Ngày 6/4/2026 đến ngày 10/4/2026
HTTN (3 tuần)	Nước	30	Ngày 13/4/2026 đến ngày 17/4/2026
	Một số HTTN	31	Ngày 20/4/2026 đến ngày 24/4/2026
	Mùa hè	32	Ngày 27/4/2026 đến ngày 1/5/2026
QH-ĐN-Bác Hồ (3 tuần)	Mình Châu quê em	33	Ngày 4/5/2026 đến ngày 8/5/2026
	Nghệ An mến yêu	34	Ngày 11/5/2026 đến ngày 15/5/2026
	Bác Hồ kính yêu	35	Ngày 18/5/2025 đến ngày 22/5/2025
Tổng tuần		35	

Diễn Cát, ngày 10 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Hongtham'.

Hồ Thị Thắm